

- 108 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ NÔ**
Trưởng ban công an quận 8, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 9 năm 1950
Số bằng: MC 627 cp Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 109 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ THẮNG**
Trưởng ban Công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: SC 974 cp Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 110 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BẠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: S 114 bp Quyết định số: 387/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983
- 111 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HOA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2T 202bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 112 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 3E 158bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 113 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ÚT LÙN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 2P 885bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 114 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUẤN KIẾT**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1953
Số bằng: LC 468 kp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 115 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4Đ 256bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 2M 165bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1967
Số bằng: YL 202bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

- 118 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BIỆN
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1948
Số bằng: EC 368 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 119 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CAO
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 4Z 535bm Quyết định số: 335/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 120 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHÁT
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YL 233bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 121 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHƠI
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2L 920bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 122 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CUNG
Thư ký xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1952
Số bằng: GC 273 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 123 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CUÔNG
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 4B 668bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 124 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DÀN
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐM 483km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 125 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DIỆP
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1U 880bm Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 126 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỨC
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1967
Số bằng: QM 750km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 127 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỨC
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968

Số bằng: 1P 138bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

128 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GẠO

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1975

Số bằng: DM 692bm Quyết định số: 264/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1994

129 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÀO

Đội viên tổ trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968

Số bằng: PM 152km Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977

130 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÙNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965

Số bằng: 2T 204bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

131 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KIẾN

Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1948

Số bằng: EC 639 kp Quyết định số: 400/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

132 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LÂM

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1967

Số bằng: 6O 439bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

133 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LIÊN

Chi đoàn thanh niên cứu quốc xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1951

Số bằng: ZC 064 cp Quyết định số: 93/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980

134 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LỚN

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1965

Số bằng: 2P 791bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

135 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MÀNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1963

Số bằng: 2T 200bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

136 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NẾP

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1969

Số bằng: ĐM 485km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

137 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGỜ

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969

Số bằng: DC 447km Quyết định số: 93/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992

138 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGỌC

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1951

Số bằng: EC 999 kp Quyết định số: 736/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

139 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGUYỄN

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1953

Số bằng: 2AC 177 bp Quyết định số: 701/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

140 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ON

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968

Số bằng: 4B 804bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

141 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Trưởng ban công an xã, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1953

Số bằng: CC 757 cp Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

142 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SÁU

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965

Số bằng: CQ 812bm Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

143 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SÁU

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1965

Số bằng: LM 339km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

144 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SỚM

Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1952

Số bằng: ĐC 007 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

145 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SUNG

Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1953

Số bằng: EC 640 kp Quyết định số: 400/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1977

146 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THANH

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1986

Số bằng: BX 716 bt Quyết định số: 165/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988

147 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THÔI

Phó xã đội du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 1L 849km Quyết định số: 1305/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

148 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THU

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: YL 197bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

149 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THƯỢNG

Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 1E 740 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

150 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TIÊU

Trưởng Ban Thông tin xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1952
Số bằng: MC 588 cp Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

151 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TIM

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1952
Số bằng: K 290 kp Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983

152 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TƯỚC

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1963
Số bằng: ĐM 487km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

153 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TƯỚC

Bí thư chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 12 năm 1947
Số bằng: UC 931 cp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

154 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VIỄN

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1968
Số bằng: LM 367km Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

155 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VÕ

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1952
Số bằng: EC 418 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

156 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VOI

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐS 604km Quyết định số: 629/TTg ngày 18 tháng 7 năm 1998

- 157 Liệt sĩ: **NHÂM THOẠI GIANG**
Cán bộ ủy viên tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1946
Số bằng: TC 502 cp Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979
- 158 Liệt sĩ: **PHẠM NHƯ BỬU**
Cán bộ ủy viên tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1955
Số bằng: AS 677 cm Quyết định số: 264/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1985
- 159 Liệt sĩ: **PHẠM NHƯ KHUÔN**
Chánh văn phòng Công an huyện Cần Đước, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1948
Số bằng: LC 721 cp Quyết định số: 218/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1978
- 160 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BUÔI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: ĐM 486km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 161 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1957
Số bằng: 4N 309 cm Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981
- 162 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 3E 186bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 163 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÔM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: EM 025km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 164 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CỨNG**
Trưởng ban công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: XM 383 cm Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977
- 165 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐẠO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 3Đ 981bm Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 166 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÔI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1949
Số bằng: KC 617 kp Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

- 167 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN GIA**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: YL 200bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 168 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HAI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1963
Số bằng: VM 812km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 169 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 2P 854bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 170 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NÊN**
Chủ tịch mặt trận liên việt xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 1 năm 1952
Số bằng: T 967 cp Quyết định số: 431/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1983
- 171 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHIÊM**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: HM 467km Quyết định số: 476/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1949
Số bằng: EC 994 kp Quyết định số: 736/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 173 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC XƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1966
Số bằng: CG 136bm Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989
- 174 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐÁNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1L 178km Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 175 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HAI**
Trưởng Công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 5 năm 1950
Số bằng: ĐA 133 cp Quyết định số: 459/TTa ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 176 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 8Đ 869bm Quyết định số: 350/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

177 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGÔ**

Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1947
Số bằng: ĐC 388 cp Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

178 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SÁU**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1952
Số bằng: SC 306 kp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970

179 Liệt sĩ: **THÁI NGỌC HÀ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8P 592 bt Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

180 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HUỆ**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: EM 026km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

181 Liệt sĩ: **THÁI VĂN KHA**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 4 năm 1954
Số bằng: LC 476 kp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

182 Liệt sĩ: **THÁI VĂN MÓT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1948
Số bằng: ĐV 329 bp Quyết định số: 19/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999

183 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ MINH ĐÀM**

Dân công tải đạn hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SM 872 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

184 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẰNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1967
Số bằng: LM 278km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977

185 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ƠN**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐM 492km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

186 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1951
Số bằng: QC 709 bp Quyết định số: 1152/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977

187 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 5 năm 1984
Số bằng: AP 866 btt Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

188 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÙNG**

Y tá trưởng xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: SM 963 cm Quyết định số: 558/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977

189 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XÍCH**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1952
Số bằng: EC 638 kp Quyết định số: 400/TTGa ngày 9 tháng 5 năm 1977

190 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN COI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 4Đ 288bm Quyết định số: 39/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1978

191 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THIẾT**

Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PM 183 cm Quyết định số: 402/TTGa ngày 9 tháng 5 năm 1977

192 Liệt sĩ: **TRƯƠNG MINH GẮT**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 1R 894bm Quyết định số: 893/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977

193 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 12 năm 1983
Số bằng: AP 867 bt Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

194 Liệt sĩ: **UNG VĂN NHÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 6H 317bm Quyết định số: 856/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978

195 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG DANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 1U 877bm Quyết định số: 942/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977

- 196 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG HỨA**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ĐC 376 cp Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 197 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG THANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 8U 690bm Quyết định số: 701/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 198 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG TỐT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: 8X 340bm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 199 Liệt sĩ: **VĂN THỊ KIM NƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 4Z 553bm Quyết định số: 335/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 200 Liệt sĩ: **VĂN THỊ NGỌC SƯƠNG**
Trưởng bệnh xá dân y huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: SM 960 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 201 Liệt sĩ: **VÕ THỊ NGỌC EM**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: PM 178 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 202 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CẨM**
Đoàn trưởng thanh niên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1953
Số bằng: CC 943 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 203 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHỈ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 8 năm 1953
Số bằng: 1XC 922 bp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 204 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CỬA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 9B 410bm Quyết định số: 52/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 205 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIỂU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1963
Số bằng: VM 470km Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

- 206 **Liệt sĩ: VÕ VĂN LÊ**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3B 521km Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 207 **Liệt sĩ: VÕ VĂN MƯỜI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: YL 201bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 208 **Liệt sĩ: VƯƠNG GIA KIẾN**
Cán bộ công an xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1946
Số bằng: CC 974 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 209 **Liệt sĩ: CAO VĂN DÌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2H 715bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 210 **Liệt sĩ: HỒ VĂN MY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 9Y 232bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 211 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 2M 077bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 212 **Liệt sĩ: LÊ TẤN HIỆP**
Cán bộ tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
Số bằng: UC 949 cp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 213 **Liệt sĩ: LÊ THỊ TUYẾT**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2H 653 cm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 214 **Liệt sĩ: LÊ VĂN BỪNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1968
Số bằng: VM 452km Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 215 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CỘNG**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1975

Số bằng: QM 745km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

216 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KỆ**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1969

Số bằng: 1S 119km Quyết định số: 1701/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1983

217 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NGON**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1965

Số bằng: 3E 200bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ĐÁO**

Ban cán sự ấp, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1949

Số bằng: ĐC 660 cp Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

219 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1966

Số bằng: 6H 335bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

220 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÔNG TÔ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1966

Số bằng: 3E 151bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

221 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1966

Số bằng: 2H 700bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

222 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÓN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1968

Số bằng: 2M 083bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀI**

Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1965

Số bằng: 3Z 814km Quyết định số: 278/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1981

224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÁNG**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1970

Số bằng: 4Đ 854bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

225 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÁO**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức,

tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 9K 941bm Quyết định số: 93/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980

- 226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1K 802km Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÓP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 2M 127bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIẾP**
Tiểu đội phó Giao bưu tỉnh, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1966
Số bằng: XM 406 cm Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977
- 229 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VM 815km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 230 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÊN**
Cán bộ Kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1971
Số bằng: XM 413 cm Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977
- 231 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGAY**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1Đ 493 cm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẠM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 6O 818bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 7 năm 1981
Số bằng: P 343 bt Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 6H 390bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁY**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968

Số bằng: VM 170km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1948

Số bằng: 1TC 954 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRẮNG**

Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1967

Số bằng: 3B 543km Quyết định số: 986/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

238 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968

Số bằng: 4Đ 264bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

239 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VẠNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1965

Số bằng: 6H 417bm Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

240 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1968

Số bằng: 2N 623bm Quyết định số: 1250/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977

241 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUỘT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1965

Số bằng: 6O 648bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

242 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1972

Số bằng: 4Y 650bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

243 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÚNG**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 2Q 120km Quyết định số: 457/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

244 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NỮA**

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1971

Số bằng: 6G 005bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

- 245 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1966
Số bằng: YM 589km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 246 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DŨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 5T 131bm Quyết định số: 646/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1978
- 247 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THƯỜNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 4Y 814bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 248 Liệt sĩ: **QUẦN VĂN TU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 2H 782bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 249 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN DIỆP**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 2 năm 1952
Số bằng: GC 984 kp Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 250 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN DŨ**
A phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1976
Số bằng: BT 765 bt Quyết định số: 126/CTKT ngày 16 tháng 6 năm 1988
- 251 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN LANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 2M 060bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 252 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN NÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 9Z 567bm Quyết định số: 771/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1980
- 253 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 8S 441bm Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979
- 254 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1968

Số bằng: 4Đ 223bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

- 255 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XIẾU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YM 631km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 256 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SÁU**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1970
Số bằng: 1E 741 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 257 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGÔN**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1946
Số bằng: YC 083 cp Quyết định số: 563/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1979
- 258 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 6O 362bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978
- 259 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐỦ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: Q 716bm Quyết định số: 373/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983
- 260 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TRẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 1K 971bm Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 261 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN VÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2M 342bm Quyết định số: 1223/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 262 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐOẠN (MINH HÙNG)**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1969
Số bằng: 6H 062bm Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 263 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN THIÊN**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1955
Số bằng: 4I 695 cm Quyết định số: 247/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 264 Liệt sĩ: **KIỀU MINH ĐỨC**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh

Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 939bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 265 Liệt sĩ: **LÂM BÁ HUÊ**
Cán bộ nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1947
Số bằng: CC 968 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 266 Liệt sĩ: **LÊ THỊ MỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 8P 255bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 267 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1948
Số bằng: YC 815 bp Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 268 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẦU**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1962
Số bằng: 1E 036 cm Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 269 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 6E 986bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 270 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÉT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1K 949bm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 271 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN AN**
Ban cán sự nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: 3D 607 cm Quyết định số: 890/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978
- 272 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHƠI (DẦU)**
Cán bộ nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 4A 856 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 273 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN MƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: OM 666km Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 274 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NHÂN**

Cán bộ Binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1968

Số bằng: SM 936 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

275 Liệt sĩ: NGÔ VĂN THU

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1967

Số bằng: 3I 950bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

276 Liệt sĩ: NGÔ VĂN TƯƠI

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1971

Số bằng: LM 363km Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

277 Liệt sĩ: NGUYỄN CAO QUÝ

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1967

Số bằng: VR 918bm Quyết định số: 341/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

278 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐĂNG BIÊN

Ủy Viên Tài chính xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1950

Số bằng: CC 930 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

279 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐĂNG NHÂN

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 2 năm 1985

Số bằng: BC 445 bt Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986

280 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐĂNG XINH

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1968

Số bằng: 3E 175bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

281 Liệt sĩ: NGUYỄN THANH HẢI

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968

Số bằng: 2M 134bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

282 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BAY

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968

Số bằng: 6O 602bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

283 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BEO

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967

Số bằng: VR 863bm Quyết định số: 341/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977

- 284 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐANG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1947
 Số bằng: PC 716 bp Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 285 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỀ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: L 328bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983
- 286 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1964
 Số bằng: LM 274km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 287 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HANH**
 Cán bộ xã đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1948
 Số bằng: ĐC 447 cp Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 288 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1980
 Số bằng: 9AA 903 bt Quyết định số: 87/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1982
- 289 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỰT**
 Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: 3E 204bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 290 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 2M 341bm Quyết định số: 1223/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 291 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1949
 Số bằng: Q 703 bp Quyết định số: 320/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983
- 292 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HON**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1964
 Số bằng: 1R 899bm Quyết định số: 893/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 293 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUẤN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1954
 Số bằng: QC 705bm Quyết định số: 1152/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

- 294 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẠNH**
Phó bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ĐC 254 cp Quyết định số: 631/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977
- 295 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẠNH**
Xã đoàn phó thanh niên, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1952
Số bằng: TC 056 cp Quyết định số: 50/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1979
- 296 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SUNG**
Ban kinh tài ấp, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1946
Số bằng: ZC 908 cp Quyết định số: 730/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1980
- 297 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MƯỜI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 2M 116bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 298 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÀNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 5 năm 1946
Số bằng: EC 956 kp Quyết định số: 712/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1977
- 299 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHIỀU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1948
Số bằng: EC 434 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 300 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1947
Số bằng: ICC 109 bp Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 301 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 6P 046bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 302 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN PHỬ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 10 năm 1979
Số bằng: P 341 bt Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 303 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN ÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1969

Số bằng: 3G 054bm Quyết định số: 1503/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 304 Liệt sĩ: **ĐẶNG NHUẬN ĐỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 7U 910bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979
- 305 Liệt sĩ: **DỊP TÚ ĐỪNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2E 096km Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 306 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CÒN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3I 964bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 307 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHUÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3I 862bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 308 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MẠNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 7B 704bm
- 309 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ LỰU**
Dân nuôi cán bộ, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1969
Số bằng: CG 105 cm Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989
- 310 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CÙNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 12 năm 1981
Số bằng: K 400 bt Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983
- 311 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐÂY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 6P 028bm Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 312 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MÙA**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 2B 343km Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 313 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN PHƯƠNG**
Đoàn viên thanh niên, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 1 năm 1946
Số bằng: OC 308 cp Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

314 Liệt sĩ: HUỖNH VĂN QUỶ

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 6P 109bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

315 Liệt sĩ: HUỖNH VĂN SẴN

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 9M 579bm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

316 Liệt sĩ: HUỖNH VĂN THÉN

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 4Đ 211bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

317 Liệt sĩ: HUỖNH VĂN XÍCH

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 6O 911bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

318 Liệt sĩ: LÊ THÀNH THOM

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1965
Số bằng: QM 793km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

319 Liệt sĩ: LÊ VĂN BÀNH

Trưởng ban y tế xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 3 năm 1948
Số bằng: GC 263 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

320 Liệt sĩ: LÊ VĂN BÀU

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2M 102bm Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

321 Liệt sĩ: LÊ VĂN BÍ

Trưởng ban y tế xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 2N 617 cm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978

322 Liệt sĩ: LÊ VĂN CAI

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1952
Số bằng: YC 725 bp Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

323 Liệt sĩ: LÊ VĂN CĂNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9Q 233 bt Quyết định số: 446/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1980

- 324 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 2T 824bm Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 325 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NẬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 4R 611bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 326 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÀY**
Phó chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: MC 873 cp Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 327 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SO**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1H 166 cm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 328 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SOÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 4Y 704bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 329 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3E 132bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 330 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 9Y 274bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 331 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1952
Số bằng: 1BC 009 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 332 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯƠNG**
Cán bộ giao liên huyện, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1952
Số bằng: GC 685 cp Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

- 333 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TRE**
 Trung đội bậc phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: YL 207bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 334 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TỨC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: 4Đ 929bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 335 **Liệt sĩ: LÊ VĂN XÂM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1947
 Số bằng: 2AC 595 bp Quyết định số: 52/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 336 **Liệt sĩ: LÝ VĂN CHÂU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 7 năm 1949
 Số bằng: MC 275 kp Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 337 **Liệt sĩ: LÝ VĂN PHÓ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1947
 Số bằng: QC 692 bp Quyết định số: 1152/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 338 **Liệt sĩ: NGÔ CHÂU ĐẠT**
 Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1950
 Số bằng: BG 844 cp
- 339 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN ĐA**
 Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: 4Đ 777bm Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 340 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN NGHĨA**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: 2T 216bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 341 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN PHỤNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 3K 524bm Quyết định số: 1794/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 342 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN RÁI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1965

Số bằng: 2P 829bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

- 343 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TE**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2H 775bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 344 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 4B 697bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 345 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÂN CÔNG**
Trưởng Ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1952
Số bằng: YC 212 cp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1979
- 346 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIỆU**
Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 5 năm 1947
Số bằng: QC 936 cp Quyết định số: 1098/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 347 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN A**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1964
Số bằng: 3AA 788bm Quyết định số: 133/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981
- 348 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁT**
Áp đội phó, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 1N 364km Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 349 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 3Đ 936bm Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 350 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BAN**
Trưởng Ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2Y 727 cm Quyết định số: 723/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 351 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 4Z 822bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 352 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẦY**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh

Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 6O 301bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

353 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CƠ

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 8R 861bm Quyết định số: 593/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1979

354 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CU

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 2T 215bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

355 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ÉCH

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 7E 196bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

356 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GAN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 2L 996bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

357 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HUỆ

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1985
Số bằng: CG 126 kt Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

358 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN IN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2P 830bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

359 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LÀ

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1974
Số bằng: YL 209bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

360 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LIÊN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 8K 409bm Quyết định số: 424/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

361 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LÍT

Cán bộ liên lạc xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1948
Số bằng: EC 102 cp Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

362 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MẾN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3P 363bm Quyết định số: 1590/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

- 363 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 971bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 364 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: 5R 937bm Quyết định số: 632/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 365 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGOẠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1970
Số bằng: AS 731bm Quyết định số: 283/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1985
- 366 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÌ**
Công an viên ấp Đông Nhì, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 2S 180 cm Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 367 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUẬN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 5AA 086bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 368 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUNG**
Hội trưởng Hội Liên việt xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 7 năm 1951
Số bằng: LC 634 cp Quyết định số: 192/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 369 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PAUL**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 6H 043bm Quyết định số: 864/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 370 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7Q 254bm Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 371 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RE**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1966
Số bằng: 3L 173bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

- 372 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÀN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1963
Số bằng: K 353km Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983
- 373 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẬU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969
Số bằng: YM 466km Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 374 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2E 733bm Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 3S 015km Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 376 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔNG**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1948
Số bằng: GC 557 cp Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1968
Số bằng: 6G 101bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 378 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG THƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 8X 348bm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 379 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CỘI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1V 893bm Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 380 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DÀNH**
Trưởng ban y tế xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1947
Số bằng: ZC 910 cp Quyết định số: 730/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1980
- 381 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỒM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3I 933bm Quyết định số: 1502/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 382 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1946
Số bằng: QC 485 bp Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 383 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NỮ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1969
Số bằng: 8S 024bm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 384 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 3U 339bm Quyết định số: 1737/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 385 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1971
Số bằng: YL 188bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 386 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XIA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2N 645bm Quyết định số: 1250/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 387 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 10 năm 1953
Số bằng: RC 323 bp Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 388 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BỜ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2L 756km Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 389 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÁU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 11 năm 1951
Số bằng: LC 284 kp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 390 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỂO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 4B 777bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 391 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỆT**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1954
Số bằng: GC 268 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

- 392 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỘ**
Công dân, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: IC 737 cp Quyết định số: 1490/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1977
- 393 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÁ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1977
Số bằng: 6O 715 bt Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 394 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KÈ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 3L 163bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 395 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHIÊM**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1949
Số bằng: GC 974 kp Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 396 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1967
Số bằng: YL 208bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỪNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3Z 124km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981
- 398 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1967
Số bằng: 6O 782bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 399 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 8K 075bm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 400 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUÁP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1Y 034bm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 401 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SUM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 5L 580bm Quyết định số: 494/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978

- 402 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRẠCH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: 1X 583bm Quyết định số: 971/TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 403 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 3Y 862bm Quyết định số: 1775/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 404 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG DANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6E 894bm Quyết định số: 850/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 405 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NHÃ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1965
Số bằng: LM 397km Quyết định số: 571/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 406 Liệt sĩ: **VÕ THỊ THANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 2L 957bm Quyết định số: 1222/TTGa ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 407 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHUYNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 2N 646bm Quyết định số: 1250/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 408 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LỰA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 2O 179bm Quyết định số: 1239/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 409 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TRÒ**
Cán bộ Ban tuyên huấn huyện, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1953
Số bằng: NC 691 cp Quyết định số: 457/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 410 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1946
Số bằng: 2N 671 bp Quyết định số: 1250/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977

- 411 **Liệt sĩ: BÙI QUỐC NAM**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: 6H 120bm Quyết định số: 853/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 412 **Liệt sĩ: BÙI VĂN SON**
 Cán bộ ban trừ gian huyện, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1946
 Số bằng: DK 984 cp Quyết định số: 553/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1993
- 413 **Liệt sĩ: CỎ KIM ĐIỆN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1963
 Số bằng: 1S 304bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 414 **Liệt sĩ: ĐẶNG NGỌC HOÀNH**
 Cán bộ Binh vận xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1966
 Số bằng: 2S 460 cm Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978
- 415 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN KÝ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
 Số bằng: 1XC 940 bp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 416 **Liệt sĩ: HUỖNH TIẾN BỘ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: 1K 934bm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 417 **Liệt sĩ: LÊ QUANG QUÂN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 4Z 800bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 418 **Liệt sĩ: LÊ QUANG VINH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 2M 001bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 419 **Liệt sĩ: LÊ VĂN AN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1964
 Số bằng: AB 025km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 420 **Liệt sĩ: LÊ VĂN MỘT**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1966
 Số bằng: 3B 724km Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

- 421 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TẠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 2H 771bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 422 **Liệt sĩ: NGUYỄN MINH TÀI**
Đại đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YT 230bm Quyết định số: 476/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 423 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GIÀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3K 536bm Quyết định số: 1794/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 424 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN RÔ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3R 507bm Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 425 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THÓT**
Ủy viên Ban chấp hành thanh niên xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1949
Số bằng: ZC 913 cp Quyết định số: 730/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1980
- 426 **Liệt sĩ: PHẠM ĐỨC SANG**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 1S 354bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 427 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN BƯỜNG**
Cán bộ thư ký nông dân Hội Liên Việt xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1948
Số bằng: EC 258 cp Quyết định số: 937/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 428 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN CHÂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6O 645bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 429 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN LÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 1R 915bm Quyết định số: 893/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 430 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN NAM**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1969

Số bằng: QM 767km Quyết định số: 871/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977

431 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XƯƠNG**

Đoàn trưởng thanh niên tiên phong, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1947

Số bằng: MC 564 cp Quyết định số: 336/TTGa ngày 31 tháng 3 năm 1978

432 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ẨM**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969

Số bằng: VM 499km Quyết định số: 942/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977

433 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẦU**

Dân công, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1962

Số bằng: 1N 841 cm Quyết định số: 4/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1978

434 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XÍCH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1967

Số bằng: YM 475km Quyết định số: 943/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977

435 Liệt sĩ: **VĂN THỊ NGHI**

Dân công tải đạn, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969

Số bằng: 1E 057 cm Quyết định số: 931/TTGa ngày 26 tháng 8 năm 1977

436 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968

Số bằng: 3I 937bm Quyết định số: 1502/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977

437 Liệt sĩ: **CHUNG NGỌC THẠCH**

Đội viên du kích thị trấn Cần Đước, Nguyên quán: thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1949

Số bằng: CC 904 kp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

438 Liệt sĩ: **ĐẶNG HỒNG THANH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hựu, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1951

Số bằng: YC 065 bp Quyết định số: 1775/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977

439 Liệt sĩ: **LÊ THANH TOÀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 10 năm 1982

Số bằng: U 049 bt Quyết định số: 431/CTKT ngày 30 tháng 11 năm 1983

440 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢO VĨNH**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1948

Số bằng: EC 450 kp Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

441 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1952

Số bằng: 1XC 011 bp Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

442 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁNG**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968

Số bằng: 3B 554km Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

443 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968

Số bằng: 9L 712bm Quyết định số: 199/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

444 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1967

Số bằng: 4Đ 293bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

445 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THAI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1967

Số bằng: 1S 423bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

446 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969

Số bằng: 4Y 807bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

447 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỶ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1965

Số bằng: 4Đ 289bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

448 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐA**

Dân quân du kích xã, Nguyên quán: thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1950

Số bằng: CC 897 kp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

449 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NINH**

Phó bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1955

Số bằng: PM 750 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

- 450 Liệt sĩ: **TRẦN NGUYỄN PHI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: HP 415bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 451 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐIỂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 8Đ 723bm Quyết định số: 315/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1979
- 452 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẠM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 4Z 803bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 453 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIỆN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1967
Số bằng: VR 910bm Quyết định số: 341/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 454 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIÂY**
Phó ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Hựu, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 4R 113 cm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1978
- 455 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Phó Ban An Ninh thị xã, Nguyên quán: xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1970
Số bằng: cm 627 cm Quyết định số: 155/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 456 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
Cán bộ an ninh huyện, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1971
Số bằng: PM 811 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 457 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1974
Số bằng: 3L 195bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 458 Liệt sĩ: **THÁI VĂN XÍCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 3G 120bm Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 459 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỢI**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: DL 001km Quyết định số: 553/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1993

- 460 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 5Y 454bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 461 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÀY**
Cán bộ Nông hội ấp, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 3K 171 cm Quyết định số: 1098/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 462 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1Z 376km Quyết định số: 1706/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 463 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐÓ (ĐÔNG)**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Bửu, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 8 năm 1952
Số bằng: EI 299 bp Quyết định số: 1198/TTg ngày 29 tháng 11 năm 2000
- 464 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ỪNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1974
Số bằng: 5N 965bm Quyết định số: 572/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1978
- 465 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ QUÍ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7E 244bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 466 Liệt sĩ: **PHAN VĂN RĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tạo, huyện Tân Bình, tỉnh Gia Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 02 năm 1968
Số bằng: 6AA 828bm Quyết định số: 311/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1981
- 467 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GIẶN**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 3O 955km Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979
- 468 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DÀNH**
Hạ sĩ Trinh sát tinh, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964
Số bằng: 5R 485bm Quyết định số: 596/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1978
- 469 Liệt sĩ: **CÁI VĂN RÍ**

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 7 năm 1947

Số bằng: CC 874 bp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

470 Liệt sĩ: **HÒ VẤN DŨNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1965

Số bằng: 8Đ 740bm Quyết định số: 315/TTga ngày 07 tháng 5 năm 1979

471 Liệt sĩ: **LẠI VĂN ĐÀY**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tạo, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1975

Số bằng: DK 993bm Quyết định số: 553/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1993

472 Liệt sĩ: **LÂM PHƯỚC TRƯỜNG**

Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 09 tháng 5 năm 1978

Số bằng: 8Đ 853 bt Quyết định số: 350/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

473 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGỘ**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1972

Số bằng: km 930km Quyết định số: 534/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977

474 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN TÀI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1968

Số bằng: 6O 869bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 08 tháng 9 năm 1978

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NỜ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1973

Số bằng: 6O 461bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

476 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÁN**

Cán bộ nông hội ấp, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1963

Số bằng: RM 818 cm Quyết định số: 527/TTga ngày 08 tháng 6 năm 1977

477 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DIỆT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1949

Số bằng: TC 275 bp Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

478 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MỸ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 01 năm 1946

Số bằng: CC 875 bp Quyết định số: 217/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

- 479 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RẪNH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 7U 929bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1979
- 480 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TÔN**
 Cơ sở cách mạng xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1965
 Số bằng: 1G 733 cm Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÂM**
 Nhân viên Công an xã, Nguyên quán: xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 02 năm 1969
 Số bằng: CQ 192 cm Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 482 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NỞ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 02 năm 1979
 Số bằng: 8S 480 bt Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979
- 483 Liệt sĩ: **LÝ CÔNG LUẬN**
 Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 7 năm 1962
 Số bằng: AD 676 cm Quyết định số: 199/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984
- 484 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU ĐỨC**
 Bí thư Huyện ủy, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1951
 Số bằng: NC 598 cp Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 485 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SON**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: BT 916km Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988
- 486 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: 8K 740bm Quyết định số: 463/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 487 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BÉ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: YL 244bm Quyết định số: 400/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1977
- 488 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN BÁ**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1962

Số bằng: 2B 324km Quyết định số: 1775/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1977

489 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN NHÂN**

ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1974

Số bằng: AB 037km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

490 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƯỚC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1968

Số bằng: 7Q 166bm Quyết định số: 111/TTGa ngày 02 tháng 02 năm 1979

491 Liệt sĩ: **DƯƠNG CÔNG LỄ**

Trưởng Ban Bình vận xã, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1969

Số bằng: 1U 323 cm Quyết định số: 1534/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977

492 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẶNG**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Bình Hoà Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968

Số bằng: ĐD 989km Quyết định số: 841/TTg ngày 12 tháng 11 năm 1996

493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẠNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1966

Số bằng: 3R 698km Quyết định số: 547/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1979

494 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHƠN**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1966

Số bằng: 2E 460km Quyết định số: 26/TTGa ngày 09 tháng 01 năm 1978

495 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1967

Số bằng: A 638km Quyết định số: 279/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982

496 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHANH**

Cán bộ ủy viên kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1969

Số bằng: 3Y 082 cm Quyết định số: 339/TTGa ngày 16 tháng 5 năm 1979

497 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BA**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhứt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 6 năm 1949

Số bằng: HN 867 bp Quyết định số: 217/TTg ngày 11 tháng 02 năm 2015

498 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHỜ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Ngãi Thuận, huyện Bến Thủ,

tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: 1KC 080 bp Quyết định số: 853/TTg ngày 07 tháng 8 năm 1978

- 499 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3G 126bm Quyết định số: 1744/TTg ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 500 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 8Đ 771bm Quyết định số: 320/TTg ngày 09 tháng 5 năm 1979
- 501 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỘT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1967
Số bằng: 2P 898bm Quyết định số: 1304/TTg ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 502 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**
Bí thư Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: EC 401 cp Quyết định số: 943/TTg ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 503 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỚNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quan, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1961
Số bằng: 2L 427km Quyết định số: 283/TTg ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 504 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1960
Số bằng: 8Q 402bm Quyết định số: 563/TTg ngày 06 tháng 8 năm 1979
- 505 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SƯU**
Cán bộ Nông hội huyện, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 2M 820 cm Quyết định số: 321/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 506 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhật Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 3L 205bm Quyết định số: 1534/TTg ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 507 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: K 319bm Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983
- 508 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HON**

Hạ sĩ công an nhân dân huyện, Nguyên quán: xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1948
Số bằng: UC 948 cp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

509 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**

Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 8 năm 1952
Số bằng: LC 631 cp Quyết định số: 192/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1978

510 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN HẠ**

Hạ sĩ công an nhân dân, Nguyên quán: xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1971
Số bằng: AR 643bm Quyết định số: 145/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971

511 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TO**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1S 409bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

512 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẮC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1949
Số bằng: 1UC 015 bp Quyết định số: 347/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

513 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN VĨNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1Y 044bm Quyết định số: 982/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1977

514 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN PHƯỚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: CN 637bm Quyết định số: 220/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

515 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BA**

Phó Ban Binh vận thị xã, Nguyên quán: xã An Vĩnh Ngãi, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 3 năm 1962
Số bằng: XM 721 cm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

516 Liệt sĩ: **HÀ PHÚ HỘ**

Cán bộ Ty Công an, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: YC 268 cp Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979

517 Liệt sĩ: **HÒ MINH TIỀN**

Trưởng Ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1E 744 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

- 518 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KIỂM**
 Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1970
 Số bằng: 2T 818bm Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 519 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRONG**
 Du kích xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1973
 Số bằng: DM 596km Quyết định số: 262/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977
- 520 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SÁNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã An Thanh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 8 năm 1962
 Số bằng: 8P 505bm Quyết định số: 540/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 521 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TƯƠI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thanh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1962
 Số bằng: 3Y 859bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 522 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN NGỌC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Ngãi Trị, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1970
 Số bằng: 8P 104bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 523 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 1L 854km Quyết định số: 1305/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 524 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BIỂU**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
 Số bằng: EC 935bm Quyết định số: 703/TTg ngày 09 tháng 7 năm 1999
- 525 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: ĐM 781km Quyết định số: 400/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1977
- 526 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHIÊN**
 ủy viên Ban chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Mỹ hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: BX 627 cm Quyết định số: 165/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988
- 527 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔN**
 Phó Bí thư xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 01 năm 1963
 Số bằng: QM 382 cm Quyết định số: 487/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1977

- 528 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 4Y 789bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 529 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯỚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1968
Số bằng: K 316bm Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983
- 530 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỐT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1968
Số bằng: 1T 284km Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 531 Liệt sĩ: **PHAN VĂN OI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Lâm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 01 năm 1965
Số bằng: ĐM 938km Quyết định số: 321/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 532 Liệt sĩ: **TRẦN THIÊN TRÁT**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 2X 576bm Quyết định số: 1455/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1977
- 533 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 11 năm 1952
Số bằng: SC 378 bp Quyết định số: 1391/TTga ngày 02 tháng 11 năm 1977
- 534 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THUẬT**
Trưởng Ban Chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1936
Số bằng: TM 010 cp Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 535 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MINH**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1X 790km Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 536 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RÔ**
Trung úy-Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3H 620 cm Quyết định số: 986/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 537 Liệt sĩ: **LÝ VĂN BA**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Lập, TX Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 7 năm 1978

Số bằng: 3R 992 kt Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

538 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1983

Số bằng: AF 404 bt Quyết định số: 276/CTKT ngày 15 tháng 8 năm 1984

539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1950

Số bằng: YC 611 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

540 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỮ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 2 năm 1947

Số bằng: KC 131 kp Quyết định số: 171/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

541 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lợi Bình Nhơn, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1963

Số bằng: YM 582km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

542 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGUYỆT**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1949

Số bằng: 1UC 383 bp Quyết định số: 905/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

543 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÁP**

Trưởng ban Công An xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 6 năm 1952

Số bằng: XM 535 cp Quyết định số: 743/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

544 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hậu, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 1984

Số bằng: AP 869 bt Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

545 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DẢ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1963

Số bằng: LM 241km Quyết định số: 597/Ttga ngày 15 tháng 6 năm 1977

546 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍCH**

Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1962

Số bằng: SM 982 cm Quyết định số: 558/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1977

- 547 Liệt sĩ: **CAO VĂN XE**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2D 509 cm Quyết định số: 192/Ttga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 548 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Ngãi Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 8AA 432bm Quyết định số: 45/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 549 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỌNG**
Nhân viên cấp dưỡng tỉnh, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2A 703 cm Quyết định số: 1775/Ttga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 550 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CUÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1K 936bm Quyết định số: 745/Ttga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 551 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐĂNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1969
Số bằng: OM 929km Quyết định số: 737/Ttga ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 552 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2P 972bm Quyết định số: 04/Ttga ngày 2 tháng 1 năm 1978
- 553 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968
Số bằng: PM 153km Quyết định số: 759/Ttga ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 554 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1969
Số bằng: XM 732 cm Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 555 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Trưởng ban giao liên huyện, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 1R 927 cm Quyết định số: 893/Ttga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 556 Liệt sĩ: **TẠ VĂN LƯỢNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969

Số bằng: 6H 095bm Quyết định số: 854/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978

- 557 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẾ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 3G 097bm Quyết định số: 1503/Ttga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 558 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÊ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 3I 899bm Quyết định số: 1502/Ttga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Trung sĩ Công An nhân dân, Nguyên quán: xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2M 790 cm Quyết định số: 321/Ttga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 560 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hựu, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3Y 873bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 561 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẬT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 7 năm 1977
Số bằng: 1K 787 bt Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 562 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1953
Số bằng: EC 520 kp Quyết định số: 258/Ttga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 563 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIÊU**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1966
Số bằng: DM 674km Quyết định số: 262/Ttga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 564 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN DÈ**
Ủy viên Ban chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BC 393 cm Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986
- 565 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TUẤN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3G 123bm Quyết định số: 1744/Ttga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 566 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
ấp đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2L 765km Quyết định số: 322/Ttga ngày 29 tháng 3 năm 1978

567 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÀNG**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1956
Số bằng: HI 181 cm Quyết định số: 1742/Ttga ngày 2 tháng 12 năm 2008

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THO**

Y tá ty Công An, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1973
Số bằng: XM 468 cm Quyết định số: 705/Ttga ngày 8 tháng 7 năm 1977

569 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƠM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1967
Số bằng: 6O 882bm Quyết định số: 1018/Ttga ngày 8 tháng 9 năm 1978

570 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 5R 486bm Quyết định số: 596/Ttga ngày 7 tháng 6 năm 1978

571 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUYỀN**

ấp đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1967
Số bằng: DM 660km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

572 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SUÔNG**

Phó ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1971
Số bằng: DM 666km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

573 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SẠM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2T 243bm Quyết định số: 1306/Ttga ngày 24 tháng 10 năm 1977

574 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUÍT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 4Z 799bm Quyết định số: 386/Ttga ngày 19 tháng 4 năm 1978

575 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÉ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1K 742bm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

576 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ON**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1951
Số bằng: LC 519 kk Quyết định số: 31/TTg ngày 11 tháng 1 năm 1978

577 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ DIỆP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1961
Số bằng: 3V 135km Quyết định số: 179/Ttga ngày 10 tháng 3 năm 1980

578 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 4Y 571km Quyết định số: 334/Ttga ngày 31 tháng 3 năm 1978

579 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TRÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 9M 585bm Quyết định số: 244/TTg ngày 7 tháng 4 năm 1980

580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 6O 428bm Quyết định số: 1010/Ttga ngày 6 tháng 9 năm 1978

581 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DU**

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 6P 015bm Quyết định số: 1031/Ttga ngày 11 tháng 9 năm 1978

582 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TẮC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2P 851bm Quyết định số: 1304/TTg ngày 24 tháng 10 năm 1977

583 Liệt sĩ: **HỒNG VĂN DỨT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 1K 746bm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

584 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GON**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 7H 340bm Quyết định số: 1134/TTg ngày 24 tháng 1 năm 1978

585 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUỐC THANH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1958
Số bằng: 9L 450bm Quyết định số: 179/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1980

- 586 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN RẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 4N 755 cm Quyết định số: 245/Ttga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 587 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN KHEN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 1K 816km Quyết định số: 1732/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 588 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN BƯỚNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 4Y 497bm Quyết định số: 332/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 589 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Công An, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1947
Số bằng: AB 011 cp Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 590 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TÀI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1965
Số bằng: CG 120km Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989
- 591 Liệt sĩ: **LÝ VĂN KHUYNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2T 196bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 592 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 2L 873km Quyết định số: 336/Ttga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 593 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BẢO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1949
Số bằng: 2BC 707 bp Quyết định số: 446/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1980
- 594 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1965
Số bằng: G 752bm Quyết định số: 52/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983
- 595 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: YT 231bm Quyết định số: 476/Ttga ngày 27 tháng 5 năm 1977

- 596 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIẾU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: 4Y 640bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 597 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÁM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 6G 113bm Quyết định số: 855/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 598 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LANH**
 Phó Công An xã, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 2H 627 cm Quyết định số: 31/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 599 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỬ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: 1K 745bm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977
- 600 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ Á**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 1AB 245bm Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982
- 601 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGOI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1974
 Số bằng: 8Đ 645bm Quyết định số: 320/Ttga ngày 9 tháng 5 năm 1979
- 602 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BAN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1964
 Số bằng: 2T 859bm Quyết định số: 1338/Ttga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 603 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XA**
 Nông hội xã, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: 3H 674 cm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 604 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỬ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: 1P 120bm Quyết định số: 872/Ttga ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 605 Liệt sĩ: **LƯƠNG THỊ BUA**
 Giao liên, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1966

Số bằng: 2M 757 cm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

- 606 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 6P 074bm Quyết định số: 1041/Ttga ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 607 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GẠNH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 3M 795km Quyết định số: 111/Ttga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 608 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1948
Số bằng: SC 159 bp Quyết định số: 1335/Ttga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 609 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GỎI**
Trung đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 6P 037bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 610 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ LỚN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 6O 988bm Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 611 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ NHỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 5R 605bm Quyết định số: 607/Ttga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 612 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1K 671bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977
- 613 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUỐC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5L 604bm Quyết định số: 494/Ttga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 614 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1952
Số bằng: 1EC 092 bp Quyết định số: 457/Ttga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 615 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN MINH**

- ấp đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1963
Số bằng: HM 630km Quyết định số: 518/Ttga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 616 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DU**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HM 592km Quyết định số: 518/Ttga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 617 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 5R 706bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 618 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 1P 193bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 619 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1964
Số bằng: 2P 984bm Quyết định số: 4/Ttga ngày 2 tháng 1 năm 1978
- 620 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1947
Số bằng: RC 889 bp Quyết định số: 1305/Ttga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 621 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN SƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 4Đ 860bm Quyết định số: 26/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 622 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NÀO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1953
Số bằng: 1KC 090 bp Quyết định số: 853/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 623 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG SINH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1949
Số bằng: HN 868 kp Quyết định số: 217/TTg ngày 11 tháng 2 năm 2015
- 624 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÚNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2Q 121km Quyết định số: 457/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978

- 625 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỌN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1961
Số bằng: 8Đ 735bm Quyết định số: 315/Ttga ngày 7 tháng 5 năm 1979
- 626 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TRIỆU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1968
Số bằng: DM 594km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 627 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN MƯỜI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 12 năm 1985
Số bằng: CC 825 bt Quyết định số: 163/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1989
- 628 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1967
Số bằng: DK 187km Quyết định số: 452/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1993
- 629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 3N 316km Quyết định số: 50/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1979
- 630 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRỪ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 4Đ 767bm Quyết định số: 20/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 631 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 8P 172bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 632 Liệt sĩ: **PHAN THÀNH CÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 8Đ 749bm Quyết định số: 315/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1979
- 633 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: DM 602km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 634 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG QUAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 11 năm 1952

Số bằng: 2CC 526 bp Quyết định số: 211/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1981

635 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÀM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969

Số bằng: 2D 573 cm Quyết định số: 192/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978

636 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÊN**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1952

Số bằng: BO 414 kp Quyết định số: 196/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

637 Liệt sĩ: **NINH VĂN NGUYỄN**

Ủy viên Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1951

Số bằng: ĐA 124 cp Quyết định số: 459/TTg ngày 9 tháng 7 năm 1996

638 Liệt sĩ: **NINH VĂN LÃ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1968

Số bằng: 1K 606bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977

639 Liệt sĩ: **NINH VĂN SOÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 7Q 269bm Quyết định số: 1481/Ttga ngày 25 tháng 12 năm 1978

640 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SỘC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968

Số bằng: EN 478km Quyết định số: 478/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001

641 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÓI**

Trưởng ban Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1980

Số bằng: AH 948 ct Quyết định số: 367/CTKT ngày 21 tháng 10 năm 1984

642 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÓ**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968

Số bằng: 3Z 128km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

643 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIÁY**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971

Số bằng: 8R 878bm Quyết định số: 593/Ttga ngày 17 tháng 8 năm 1979

644 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 6 năm 1953
Số bằng: EN 472 kp Quyết định số: 478/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001

- 645 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8P 166bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 646 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**
Cán bộ Binh vận tỉnh, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1968
Số bằng: P 298 cm Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 647 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIỂU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: PM 062km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 648 Liệt sĩ: **TÔ VĂN TRUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7H 366bm Quyết định số: 1334/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1978
- 649 Liệt sĩ: **VÕ VĂN XUÂN**
Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1957
Số bằng: AP 838 cm Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985
- 650 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 2H 711bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 651 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Trưởng ban Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1972
Số bằng: XM 828 cm Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 652 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 8P 222bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 653 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 3Z 123km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981
- 654 Liệt sĩ: **DƯƠNG TẤN HUỆ**

Cán bộ giao liên, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1951
Số bằng: DN 915 cp Quyết định số: 687/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1994

655 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 6G 043bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

656 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHIỆP**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 5AA 084bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

657 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 8P 140bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

658 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 2Z 188km Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

659 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1963
Số bằng: ĐĐ 004km Quyết định số: 982/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1996

660 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ DŨNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1975
Số bằng: 8AA 428 bt Quyết định số: 45/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

661 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VIỆT**

Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1968
Số bằng: GU 929 cm Quyết định số: 352/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2005

662 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1956
Số bằng: GX 623bm Quyết định số: 903/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005

663 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỄ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1961
Số bằng: PM 045km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

- 664 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỎ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: X 832 cm Quyết định số: 97/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984
- 665 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỌC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1974
 Số bằng: 4Y 633bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 666 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN RỪM**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1963
 Số bằng: GD 242km Quyết định số: 603/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2003
- 667 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: 7E 247bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 668 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DỮ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: 6P 014bm Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 669 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG**
 Cán bộ Nông hội xã, Nguyên quán: xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: ĐA 082 cm Quyết định số: 381/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1996
- 670 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1978
 Số bằng: 3Z 134 kt Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981
- 671 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HUÂN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1974
 Số bằng: 3E 031bm Quyết định số: 1701/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 672 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÒN**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: PM 031km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 673 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYỄN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1974
 Số bằng: 1U 407bm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

- 674 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MAI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1961
Số bằng: 5L 721bm Quyết định số: 465/TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 675 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯÔNG**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2M 306km Quyết định số: 326/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 676 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 3E 192bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 677 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KEN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PM 041km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 9L 736bm Quyết định số: 199/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 679 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2E 146km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 680 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7E 225bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 681 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XINH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 1T 792km Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 682 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC NỞ**
Trưởng ban Nông hội, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1961
Số bằng: 1O 978 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 683 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968

Số bằng: 60 593bm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

- 684 Liệt sĩ: **HÒ VẤN TRỪ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 4Đ 930bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 685 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NĂNG**
Đội viên tự vệ, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: PC 827 kp Quyết định số: 1482/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 686 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1963
Số bằng: AS 738bm Quyết định số: 283/CTKT ngày 22 tháng 7 năm 1985
- 687 Liệt sĩ: **MAI CÔNG DANH**
Thường vụ Huyện ủy, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 3Y 047 cm Quyết định số: 339/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979
- 688 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHAI**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 2A 705 cm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 689 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HOANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 4Đ 928bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 690 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NÔ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 4Y 683bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 691 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÁNH**
Trưởng ban công binh, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1950
Số bằng: GC 695 cp Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 692 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NÀY**
Cán bộ An ninh xã, Nguyên quán: xã Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1964
Số bằng: SM 925 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 693 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3M 787bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

694 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN A**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1K 571bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977

695 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BẢY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 2L 931bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

696 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỨNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1962
Số bằng: QM 746km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

697 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN NAM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhứt Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 1AB 267bm Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

698 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÔI**

Chiến sĩ Công an Nhân dân, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1949
Số bằng: CT 535 cp Quyết định số: 123/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1991

699 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1P 135bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

700 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1962
Số bằng: 2P 921bm Quyết định số: 4/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978

701 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VL 512bm Quyết định số: 258/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

702 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGƯƠN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1948
Số bằng: 1KC 125 bp Quyết định số: 856/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

703 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 6G 115bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

- 704 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÊ**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3O 685 cm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 705 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHI**
Cán bộ huyện đoàn, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 4B 267 cm Quyết định số: 663/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979
- 706 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã An Nhứt Tân, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 2Q 125km Quyết định số: 475/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 707 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHƠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 4Y 558bm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 708 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 7Q 266bm Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 709 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1967
Số bằng: L 362bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983
- 710 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DÀY**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1947
Số bằng: RC 896 cp Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 711 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1P 134bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 712 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BAY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: L 326bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983

- 713 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIM BẢNG**
Cán bộ thôn chánh chủ nhiệm, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 9 năm 1947
Số bằng: MC 561 cp Quyết định số: 322/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 714 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIM NGÔN**
Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2M 953 cm Quyết định số: 345/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 715 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRẠCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Nhứt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1947
Số bằng: HD 661 kp Quyết định số: 1379/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2006
- 716 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BA**
Phó ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 2H 323 cm Quyết định số: 27/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 717 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MƯỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: L 361bm Quyết định số: 168/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1983
- 718 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIM QUẾ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 11 năm 1952
Số bằng: 1XC 822 bp Quyết định số: 563/TTGa ngày 6 tháng 8 năm 1979
- 719 Liệt sĩ: **VÕ VĂN XÂY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1946
Số bằng: PC 842 kp Quyết định số: 1482/TTGa ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 720 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**
Ủy viên ủy ban hành chánh, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1951
Số bằng: CC 635 cp Quyết định số: 282/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 721 Liệt sĩ: **VÕ VĂN AN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1949
Số bằng: 1BC 035 bp Quyết định số: 192/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 722 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN CẢNH**
Cán bộ nghiên cứu, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1973
Số bằng: PM 631 cm Quyết định số: 281/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1977

- 723 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN SƠN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1962
Số bằng: 3V 464km Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 724 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1962
Số bằng: DM 565km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 725 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 3E 041bm Quyết định số: 1701/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 726 Liệt sĩ: **TRỊNH PHƯỚC CẨM**
Chiến sĩ bảo vệ, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3X 589 cm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 727 Liệt sĩ: **HÒ VĂN KÍNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1952
Số bằng: 1XC 990 bp Quyết định số: 618/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1979
- 728 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẢI**
Trưởng ban An ninh, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1967
Số bằng: PM 639 cm Quyết định số: 281/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 729 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1964
Số bằng: 9Y 275bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 730 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DIỆU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: DM 530km Quyết định số: 358/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 731 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XỆ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1948
Số bằng: EC 526 kp Quyết định số: 358/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 732 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẠN**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968

Số bằng: DM 574km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

733 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TRỪ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhứt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968

Số bằng: 6G 121bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

734 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VUÔNG**

Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1966

Số bằng: PM 636 cm Quyết định số: 281/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

735 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THƠI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1965

Số bằng: 2M 490bm Quyết định số: 1218/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

736 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**

Cán bộ kinh tài huyện, Nguyên quán: xã An Nhứt Tân, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1957

Số bằng: AP 836 cm Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

737 Liệt sĩ: **HUỖNH CÔNG MẬT**

Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 2 năm 1946

Số bằng: YC 346 cp Quyết định số: 663/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979

738 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢO**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 3L 145bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

739 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CAI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Tấn, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 7Q 153bm Quyết định số: 111/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979

740 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NHỎ**

Trưởng ban giao liên, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1971

Số bằng: 4B 984 cm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

741 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHONG**

Trung đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1966

Số bằng: 6P 105bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

742 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SỬ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1966
Số bằng: 3B 586km Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

- 743 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AP 828km Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985
- 744 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHUÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AH 916km Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 745 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGẪU**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 4A 841 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 746 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961
Số bằng: 6G 087bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 747 Liệt sĩ: **LÂM VĂN PHÚ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 6P 104bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 748 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1972
Số bằng: BT 916km Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988
- 749 Liệt sĩ: **LÂM VĂN NHỰT**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
Số bằng: CQ 161km Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 750 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 6O 480bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 751 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐỀ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Nhứt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 3M 730bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 752 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁI**

ấp đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AD 668km Quyết định số: 199/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984

753 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÉ

Đội viên vũ trang du kích, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: VM 451km Quyết định số: 942/TTGa ngày 29 tháng 8 năm 1977

754 Liệt sĩ: TRẦN VĂN KHUYÊN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1961
Số bằng: 6H 090bm Quyết định số: 854/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978

755 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHON

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 4X 493bm Quyết định số: 256/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978

756 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CẦU

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 6R 941bm Quyết định số: 1109/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978

757 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SƠN

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1972
Số bằng: BT 916km Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

758 Liệt sĩ: TẠ VĂN MÁCH

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 6O 784bm Quyết định số: 1017/TTGa ngày 8 tháng 9 năm 1978

759 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MỸ

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 7M 521bm Quyết định số: 1493/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1978

760 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MỚI

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1952
Số bằng: 1GC 820 bp Quyết định số: 722/TTGa ngày 5 tháng 7 năm 1978

761 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÉ

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 8 năm 1977
Số bằng: 8N 989 bt Quyết định số: 540/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1979

- 762 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÌNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hưng Điền B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: VM 862km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 763 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THÀNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu A, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1962
Số bằng: 8P 143bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 764 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BI**
Áp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu B, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 3R 996km Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 765 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SIÊU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Châu B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1972
Số bằng: 3B 587km Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 766 Liệt sĩ: **ĐOÀN MINH TRUNG**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 7Y 123bm Quyết định số: 222/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 767 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 12 năm 1947
Số bằng: 1OC 975 bp Quyết định số: 1304/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 768 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÊ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hưng Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3H 347km Quyết định số: 1272/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1978
- 769 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VỆ**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Trị, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 5R 722bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 770 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ CHÂU**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thái Mỹ, huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: B 024km Quyết định số: 312/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982
- 771 Liệt sĩ: **HÀ HỮU NHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 1988
Số bằng: CN 692 tt Quyết định số: 220/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

- 772 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KÉO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 3 năm 1954
Số bằng: DH 708 bp Quyết định số: 252/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1993
- 773 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1957
Số bằng: BC 406 Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986
- 774 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚNG**
Cán bộ Đảng viên, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1948
Số bằng: SC 964 cp Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 775 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐUÔNG**
Công An xã, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2S 456 cm Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978
- 776 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐV 362bm Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 777 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, tiểu đội trưởng, Nguyên quán: xã Truong Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1965
Số bằng: ĐV 360bm Quyết định số: 19/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 778 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN XÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Xương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 4R 537 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 779 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẮC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1982
Số bằng: AH 946 bt Quyết định số: 367/CTKT ngày 31 tháng 10 năm 1984
- 780 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1960
Số bằng: 4Y 754bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 781 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HÙNG**
Trưởng phòng, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 30 672 cm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

782 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SON**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc
kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1950
Số bằng: QC 952 kp Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

783 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN ĐĂNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1951

Số bằng: AA 984 bp Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

784 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH ĐẠT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 4B 682bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

785 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM KHANH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8P 112bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979

786 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NƯỚC**

Cán bộ nội tuyến, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự
nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: AY 197 cm Quyết định số: 393/CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1985

787 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LĂNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long
An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1948
Số bằng: 1XC 931 bp Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

788 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DĂNG**

Tổ trưởng tổ vận tải, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 4R 348 cm Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

789 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XỨNG**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1965
Số bằng: NM 466km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

790 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN YÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HN 1,002bm Quyết định số: 753/QĐ-TTg ngày 2 tháng 6 năm 2015

- 791 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ GIỮA**
Ban chấp hành phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1967
Số bằng: UM 267 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 792 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 4R 542bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 793 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU DỊ**
Ban chấp hành nông hội xã, Nguyên quán: xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1952
Số bằng: TC 998 cp Quyết định số: 339/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979
- 794 Liệt sĩ: **VÕ VĂN RIÊNG**
Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1959
Số bằng: 4A 556 cm Quyết định số: 563/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1979
- 795 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KHUYỀN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2T 556km Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 796 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1948
Số bằng: 2CC 624 bp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 797 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐỒ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Bửu, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1952
Số bằng: EI 299 bp Quyết định số: 1198/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2000
- 798 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NHUNG**
Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2M 942 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 799 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH CÔNG**
Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: YT 637bm Quyết định số: 448/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 800 Liệt sĩ: **TRẦN MINH KHẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1968

Số bằng: 6E 974bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

- 801 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRUNG TRI**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1974
Số bằng: 3G 271km Quyết định số: 1191/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 802 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 6O 827 bt Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 803 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÀN**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Bình Tân, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GD 257 cm Quyết định số: 603/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2003
- 804 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 6O 384bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978
- 805 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÚNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3B 558km Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 806 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TÔN**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3P 594 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 807 Liệt sĩ: **LÝ VĂN HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7E 207bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 808 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1946
Số bằng: PC 838 kp Quyết định số: 1482/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 809 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, chiến sĩ, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 3R 467bm Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 810 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ SÀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh

Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 7V 202bm Quyết định số: 145/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1979

811 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHÁI**

Du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3S 007km Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

812 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÀO**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 3K 272 kt Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

813 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHANH**

Bí thư xã, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1961
Số bằng: 2S 173 cm Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978

814 Liệt sĩ: **VÕ VĂN QUỐC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 4R 586bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

815 Liệt sĩ: **VÕ TRUNG NAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6O 791bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

816 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: S 119 bp Quyết định số: 387/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983

817 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀU**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1958
Số bằng: X 816bm Quyết định số: 97/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984

818 Liệt sĩ: **VÕ VĂN LÂM**

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 8X 336 bm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

819 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUANG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: CQ 163km Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

820 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LANG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 6E 988bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

821 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 3Z 130km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

822 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1946
Số bằng: ĐE 927 bp Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 1 năm 1997

823 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BI**

Phó ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 4B 976 cm Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

824 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀN**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 3S 885km Quyết định số: 741/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

825 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN ÁI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 6O 290brn Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

826 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 10 năm 1984
Số bằng: AY 157 bt Quyết định số: 418/CTKT ngày 6 tháng 11 năm 1985

827 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYỀN**

Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 3D 013 cm Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978

828 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÔ**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 2G 639km Quyết định số: 205/Ttga ngày 3 tháng 3 năm 1978

829 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 3X 724bm Quyết định số: 1779/Ttga ngày 28 tháng 12 năm 1977

- 830 Liệt sĩ: **NGUYỄN AN VĨNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1985
Số bằng: BX 250 bt Quyết định số: 4/CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1989
- 831 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1962
Số bằng: U 009km Quyết định số: 431/CTKT ngày 30 tháng 11 năm 1983
- 832 Liệt sĩ: **LÊ THỊ ANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: T 973bm Quyết định số: 431/Ttga ngày 30 tháng 11 năm 1983
- 833 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TIỆN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1974
Số bằng: 4Y 787bm Quyết định số: 308/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 834 Liệt sĩ: **KHUU TÔNG THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 5AA 102bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 835 Liệt sĩ: **KHUU VĂN THỨC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 2H 670 cm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 836 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3AA 828bm Quyết định số: 133/Ttga ngày 15 tháng 4 năm 1981
- 837 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỪNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 4Z 812bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 838 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1K 656bm Quyết định số: 705/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1977
- 839 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHỮ**
Ủy viên quân sự, Nguyên quán: xã Long Trì, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1951
Số bằng: IC 722 kp Quyết định số: 1503/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977

- 840 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2L 970bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 841 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1964
Số bằng: G 791km Quyết định số: 52/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983
- 842 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LEO**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1975
Số bằng: DM 615km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 843 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHOẠCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 12 năm 1949
Số bằng: DN 899 bp Quyết định số: 687/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1994
- 844 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8P 238bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÍNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1961
Số bằng: A 620bm Quyết định số: 279/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982
- 846 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2Y 720 cm Quyết định số: 723/Ttga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 847 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1947
Số bằng: YC 402 cp Quyết định số: 701/Ttga ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 848 Liệt sĩ: **MAI VĂN BA**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1960
Số bằng: 2E 445km Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 849 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1965

Số bằng: 6O 473bm Quyết định số: 1042/TTGa ngày 11 tháng 9 năm 1978

850 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MINH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972

Số bằng: 3K 254km Quyết định số: 1335/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978

851 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỰC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thủy Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1961

Số bằng: 6O 422bm Quyết định số: 1010/TTGa ngày 6 tháng 9 năm 1978

852 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NỮ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phước, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1967

Số bằng: 6H 308bm Quyết định số: 856/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978

853 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VOI**

Y tế xã, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1967

Số bằng: 6N 491 cm Quyết định số: 87/CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1982

854 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỒ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1971

Số bằng: 8P 228bm Quyết định số: 547/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1979

855 Liệt sĩ: **HỒNG VĂN CHÍNH**

Ủy viên xã đội, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 4 năm 1947

Số bằng: ĐC 476 cp Quyết định số: 759/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1977

856 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÊ**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1969

Số bằng: ĐĐ 001km Quyết định số: 982/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1996

857 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN DỪA**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Đại, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1967

Số bằng: CN 656km Quyết định số: 200/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

858 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THỨ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969

Số bằng: SV 041bm Quyết định số: 529/Ttga ngày 23 tháng 11 năm 1976

859 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH ĐẠT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 3L 157bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

- 860 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬA**
Nhân viên Công an, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: CQ 191 cm Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 861 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐÚNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1951
Số bằng: YC 362 bp Quyết định số: 144/Ttga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 862 Liệt sĩ: **HUỖNH CÔNG KHANH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 6O 743bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 863 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 4B 742bm Quyết định số: 19/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 864 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1X 616bm Quyết định số: 971/Ttga ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 865 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BC 415 bt Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986
- 866 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1972
Số bằng: 8P 986bm Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 867 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN QUÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 3L 187bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 868 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỰC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 6P 113bm Quyết định số: 1041/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 869 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SV 025bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

870 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ỨT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1967
Số bằng: 1X 574bm Quyết định số: 917/Ttga ngày 5 tháng 9 năm 1977

871 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TRƯỜNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1975
Số bằng: YT 666bm Quyết định số: 488/Ttga ngày 1 tháng 6 năm 1977

872 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ƠI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1971
Số bằng: SV 037bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

873 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1X 581bm Quyết định số: 971/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

874 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUEN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 1S 362bm Quyết định số: 912/Ttga ngày 22 tháng 8 năm 1977

875 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHỊU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1963
Số bằng:bm 735km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

876 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CỘT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967
Số bằng: YT 638bm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

877 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1S 431bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

878 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HẾT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 8P 165bm Quyết định số: 555/Ttga ngày 30 tháng 7 năm 1979

- 879 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỮ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 1Y 049bm Quyết định số: 982/Ttga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 880 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUẬN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1964
Số bằng:bm 712km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976
- 881 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SÁ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1953
Số bằng:bm 718 kp Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976
- 882 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾU**
Thư kí xã đội, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1966
Số bằng:bm 734km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976
- 883 Liệt sĩ: **VÕ VĂN RÀO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 6O 499bm Quyết định số: 986/Ttga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 884 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUÔI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1948
Số bằng: CQ 814 kp Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 885 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRONG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 8P 138bm Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 886 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HÒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971
Số bằng:bm 707km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976
- 887 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN GIÒ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 2X 553bm Quyết định số: 1455/Ttga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 888 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DẶN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1947
Số bằng: 1XC 634 bp Quyết định số: 540/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979

- 889 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: DK 991bm Quyết định số: 553/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1993
- 890 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÍ**
Chủ tịch ủy ban kháng chiến, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1951
Số bằng: CC 196 cp Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 891 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 5R 579bm Quyết định số: 596/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 892 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 9Y 290bra Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 893 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIA**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 6O 732bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 894 Liệt sĩ: **TÓNG VĂN CU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8R 870bm Quyết định số: 593/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1979
- 895 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN DÍ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 8P 214bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 896 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHỎ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1971
Số bằng: 4Y 736bm Quyết định số: 3308/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 897 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƯƠNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1970
Số bằng: bm 724km Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976
- 898 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1972

Số bằng: 1Y 022bm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

899 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÌNH**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967

Số bằng: 5R 705bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

900 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỦ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1967

Số bằng: SV 024bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

901 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951

Số bằng: 1IC 676 bp Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

902 Liệt sĩ: **MAI VĂN XỨ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969

Số bằng: 1X 618bm Quyết định số: 971/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

903 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC RIÊNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973

Số bằng: SV 031bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

904 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MIÊN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1962

Số bằng: 6O 448bm Quyết định số: 1042/Ttga ngày 11 tháng 9 năm 1978

905 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1965

Số bằng: 4B 768bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

906 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: 6S 029bm Quyết định số: 1098/Ttga ngày 27 tháng 9 năm 1978

907 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊU**

Cán bộ ủy viên, Nguyên quán: xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 8 năm 1949

Số bằng: ĐA 137 cp Quyết định số: 459/Ttga ngày 9 tháng 7 năm 1996

908 Liệt sĩ: **LẠI VĂN MAI**

Phó Bí thư đoàn xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1965

Số bằng: CQ 891 cm Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

909 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NHẬU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967

Số bằng: 8Đ 652bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

910 Liệt sĩ: **LÊ THÁI HÒA**

Thư kí đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1951

Số bằng: KC 676 cp Quyết định số: 1590/Ttga ngày 25 tháng 11 năm 1977

911 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TÙNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1968

Số bằng: 3O 933km Quyết định số: 343/Ttga ngày 16 tháng 5 năm 1979

912 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHÚ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1965

Số bằng: 1R 866bm Quyết định số: 893/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977

913 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHỬU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967

Số bằng: 1S 394bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

914 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975

Số bằng: 8P 231bm Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

915 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NĂM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1978

Số bằng: 8P 264 bt Quyết định số: 547/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

916 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SÔNG**

Chi ủy viên, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1941

Số bằng: AD 643 cp Quyết định số: 199/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984

917 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HANH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968

Số bằng: 6O 711bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

918 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỮ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 11 năm 1951
Số bằng: T 952 kp Quyết định số: 431/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1983

919 Liệt sĩ: **LÊ TẤN KHOA**

Kĩ sư nông nghiệp, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NM 907 cm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

920 Liệt sĩ: **HUỖNH LƯU BÚT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 5Y 338bm Quyết định số: 742/Ttga ngày 12 tháng 7 năm 1978

921 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỪNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 1T 394bm Quyết định số: 925/Ttga ngày 24 tháng 8 năm 1977

922 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ BÉ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1971
Số bằng: SV 018bm Quyết định số: 529/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1976

923 Liệt sĩ: **THI VĂN ĐẠI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 4B 716bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

924 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BÉ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 4Y 516bm Quyết định số: 332/Ttga ngày 29 tháng 3 năm 1978

925 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TÌNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 7Q 279bm Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978

926 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: CG 151bm Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

927 Liệt sĩ: **BIỆN VĂN BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6E 844bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

- 928 **Liệt sĩ: TRẦN THỊ HỎI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: 3Y 824bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 929 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN BẨM**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1954
 Số bằng: 1GC 015 bp Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 930 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÀNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
 Số bằng: HM 666km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 931 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN ĐỦ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: 2T 826bm Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 932 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TRON**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: HM 677km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 933 **Liệt sĩ: LÊ VĂN XUÂN**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
 Số bằng: LM 345km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 934 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TRỪ**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
 Số bằng: OM 700km Quyết định số: 731/Ttga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 935 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LÝ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: 7Q 216bm Quyết định số: 111/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 936 **Liệt sĩ: PHAN VĂN OANH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 6G 037bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 937 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN CĂN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: 2H 710bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

- 938 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LO**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1952
 Số bằng: 2BC 562 bp Quyết định số: 282/Ttga ngày 18 tháng 4 năm 1980
- 939 Liệt sĩ: **BIỆN VĂN XÊ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1954
 Số bằng: 1UC 025bm Quyết định số: 347/Ttga ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 940 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: 3G 066bm Quyết định số: 1503/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 941 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÃ**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 3Y 801bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 942 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỢC**
 Giao liên xã, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1971
 Số bằng: SM 878 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 943 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỪ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 8K 065bm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 944 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BỘ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
 Số bằng: 5Y 343bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978
- 945 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1962
 Số bằng: 3G 137bm Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 946 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CỢT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 7 năm 1951
 Số bằng: 1GC 018 bp Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 947 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1974

Số bằng: 7U 899bm Quyết định số: 154/Ttga ngày 23 tháng 2 năm 1979

948 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HANH**

Trưởng Công An xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1968

Số bằng: QM 693 cm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

949 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỨC**

Y tá, cán bộ an ninh xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1971

Số bằng: 1Đ 478 cm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

950 Liệt sĩ: **HỨA VĂN NHÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1967

Số bằng: 4Đ 921bm Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

951 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HÒI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 7 năm 1949

Số bằng: YC 660 bp Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

952 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TÊM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1951

Số bằng: 1GC 041 bp Quyết định số: 633/Ttga ngày 14 tháng 6 năm 1978

953 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÔ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1954

Số bằng: 1XC 945bm Quyết định số: 596/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

954 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ỒN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 6 năm 1952

Số bằng: EC 133 kp Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

955 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN PHÁT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1951

Số bằng: 1LC 784 bp Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

956 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 2 năm 1984

Số bằng: AY 123 bt Quyết định số: 418/CTKT ngày 6 tháng 11 năm 1985

957 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KINH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1961
Số bằng: HM 618km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

- 958 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HÀO**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: HM 611km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 959 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÙM**
Trung đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1951
Số bằng: EC 236 kp Quyết định số: 527/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1977
- 960 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4Y 533bm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 961 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ LÔNG**
Binh nhất, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 1X 280bm Quyết định số: 983/Ttga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 962 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GÌN**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 4A 852 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 963 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỆO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: YM 615km Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 964 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1960
Số bằng: 3AA 882bm Quyết định số: 133/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981
- 965 Liệt sĩ: **HÀ THỊ XUYẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 1B 344bm Quyết định số: 575/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 966 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỒ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 3M 799bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 967 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẮNG**

Đội trưởng Ban bảo vệ Ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1972
Số bằng: TM 002 cm Quyết định số: 571/Ttga ngày 13 tháng 6 năm 1977

968 Liệt sĩ: **HỒ VĂN CƯỜNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 5R 448bm Quyết định số: 596/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

969 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THẦU**

Liên lạc xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1950
Số bằng: CC 211 cp Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

970 Liệt sĩ: **HỒ VĂN LỄ**

Nhân viên an ninh, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3O 872 cm Quyết định số: 1362/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

971 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRĂNG**

Trưởng ban kinh tài, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1967
Số bằng: QM 735 cm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

972 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 6O 477bm Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

973 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NHẬU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3Y 877bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

974 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MINH**

Cán bộ ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: SM 923 cm Quyết định số: 558/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

975 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐOẠN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HM 598km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

976 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LƯỢNG**

Phó ban tuyên văn giáo, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 2M 788 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

- 977 Liệt sĩ: **HÒ MINH TRIẾT**
Y tế xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1P 670 cm Quyết định số: 1391/Ttga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 978 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SEN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3L 202bm Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 979 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 5R 614bm Quyết định số: 607/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 980 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÒN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1965
Số bằng: CQ 842km Quyết định số: 86/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 981 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KÌA**
Trưởng ban binh vận, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 3D 016 cm Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 982 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 1S 314bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 983 Liệt sĩ: **MAI VĂN KHUÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 1S 395bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 984 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ QUAN**
Nhân viên liên lạc, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: AS 760 cp Quyết định số: 283/CTKT ngày 22 tháng 7 năm 1985
- 985 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NHƯÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 7 năm 1950
Số bằng: 4B 764 bp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 986 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MỘT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 4Y 663bm Quyết định số: 334/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

- 987 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 3M 768bm Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 988 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỤNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: P 303 cm Quyết định số: 316/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 989 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 3L 522km Quyết định số: 22/Ttga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 990 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐÔNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967
Số bằng: LM 257km Quyết định số: 597/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1977
- 991 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN PHÁT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1964
Số bằng: HM 690km Quyết định số: 518/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 992 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ỨT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1973
Số bằng: RM 923km Quyết định số: 919/Ttga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 993 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Dân quân hòa tuyến, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: UM 298 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 994 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 6O 909bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 995 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 3AA 835bm Quyết định số: 133/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981
- 996 Liệt sĩ: **ĐOÀN CÔNG RU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1967

Số bằng: 8Đ 696bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

997 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐÀM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UM 317 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1977

998 Liệt sĩ: **PHAN VĂN KHEN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1954
Số bằng: 1XC 023bm Quyết định số: 423/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

999 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 9K 945bm Quyết định số: 93/Ttga ngày 30 tháng 1 năm 1980

1000 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LUYỆN**

Chiến sĩ bảo vệ, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 3H 646 cm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1001 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỪ**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1969
Số bằng: NM 486km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1002 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DŨNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 9Y 257bm Quyết định số: 730/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

1003 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2H 778bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1004 Liệt sĩ: **ĐINH LA PHỌT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8S 014 bt Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

1005 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**

Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1973
Số bằng: BO 450 cm Quyết định số: 196/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

1006 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÁN**

Ủy viên thanh niên xã Tân Phú, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy

sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1947
Số bằng: ZC 079 cp Quyết định số: 179/Ttga ngày 10 tháng 3 năm 1980

1007 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÊ**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lập, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 9N 625bm Quyết định số: 247/Ttga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1008 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973
Số bằng: NM 399km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1009 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CỬA**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1966
Số bằng: OM 630km Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

1010 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LĨNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 1Đ 909bm Quyết định số: 951/Ttga ngày 28 tháng 6 năm 1977

1011 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐA**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1974
Số bằng: OM 928km Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

1012 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1974
Số bằng: NM 412km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1013 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HỘT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1971
Số bằng: OM 659bm Quyết định số: 731/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

1014 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỨC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: DK 176km Quyết định số: 452/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1993

1015 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRÓT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 2X 542bm Quyết định số: 1455/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

1016 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÓT**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1974
Số bằng: NM 470km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977

1017 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÝ**

Ủy viên ban binh vận, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 3H 664 cm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

1018 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUNG**

Chủ tịch Mặt trận Việt Minh, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1946
Số bằng: UC 946 cp Quyết định số: 548/Ttga ngày 27 tháng 7 năm 1979

1019 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÔNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2H 712bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1020 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XỰ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 3S 345km Quyết định số: 663/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979

1021 Liệt sĩ: **LẠI VĂN MUỐT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8Đ 641bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

1022 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢN**

Dân công, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 1Đ 305 cm Quyết định số: 921/Ttga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1023 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀM**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1949
Số bằng: SC 694 kp Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

1024 Liệt sĩ: **MAI VĂN XƯỚC**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1949
Số bằng: T 958 kp Quyết định số: 431/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1983

1025 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NỰC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 5L 567bm Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

- 1026 Liệt sĩ: **LÊ THỊ ĐỤC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1953
Số bằng: 2BC 306 bp Quyết định số: 1479/Ttga ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỤ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 5R 873bm Quyết định số: 632/Ttga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1028 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÁN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 7 năm 1947
Số bằng: K 292 kp Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983
- 1029 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÓT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 1B 282bm Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1030 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẦU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 2T 569km Quyết định số: 633/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1031 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN SANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1Y 038bm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 1032 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1965
Số bằng: NM 437km Quyết định số: 633/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1977
- 1033 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1968
Số bằng: 6H 076bm Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1034 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỚI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 5L 596bm Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 1035 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SÀ Y**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
Số bằng: HC 380 kp Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

- 1036 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHON**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 8Q 361bm Quyết định số: 563/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1979
- 1037 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RÀNG**
Cán bộ công đoàn huyện, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1947
Số bằng: 1AC 485 cp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 1038 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ VÀNG**
Ủy viên Ban Chấp hành phụ nữ, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AB 062 cm Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 1039 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: AB 034km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 1040 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ÚT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8K 721bm Quyết định số: 463/Ttga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 1041 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Cán bộ thông tin huyện, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1950
Số bằng: SC 949 cp Quyết định số: 1481/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 1042 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2Đ 016km Quyết định số: 1794/Ttga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 1043 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1958
Số bằng: 2M 075bm Quyết định số: 1219/Ttga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 1044 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGĂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1952
Số bằng: 1P 183 bp Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 1045 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SĨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1967

Số bằng: 1P 166bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

1046 Liệt sĩ: HUỖNH VĂN LÙ

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1966

Số bằng: 1P 152bm Quyết định số: 872/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

1047 Liệt sĩ: NGÔ VĂN KẾN

Thiếu úy, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 9 năm 1949

Số bằng: A 602 cp Quyết định số: 279/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982

1048 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DẪN

Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1969

Số bằng: 1T 140 cm Quyết định số: 1454/Ttga ngày 9 tháng 11 năm 1977

1049 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐẠT

Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1963

Số bằng: 2M 873 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

1050 Liệt sĩ: HÀ VĂN HƯƠNG

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1954

Số bằng: 1TC 961 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979

1051 Liệt sĩ: LÊ VĂN TÂN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 3 năm 1978

Số bằng: 9N 616 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1052 Liệt sĩ: PHẠM VĂN TIỀN

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969

Số bằng: 9Q 171bm Quyết định số: 446/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1980

1053 Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC TAO

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950

Số bằng: 1TC 994 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1979

1054 Liệt sĩ: PHẠM VĂN ĐỨC

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1965

Số bằng: 2L 918bm Quyết định số: 1222/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1055 Liệt sĩ: NGÔ VĂN TIỆM

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946

Số bằng: RC 596 kp Quyết định số: 93/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980

1056 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỘC**

Phó bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1973

Số bằng: 3H 648 cm Quyết định số: 985/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1057 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1969

Số bằng: YT 221bm Quyết định số: 476/Ttga ngày 27 tháng 5 năm 1977

1058 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SẢO**

Cán bộ binh vận huyện, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 9 năm 1951

Số bằng: GC 442 cp Quyết định số: 1794/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977

1059 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970

Số bằng: 8Đ 631bm Quyết định số: 320/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979

1060 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÁN**

Nhân viên giao liên xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1947

Số bằng: BT 868 pp Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

1061 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÁM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1966

Số bằng: 4Đ 221bm Quyết định số: 39/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1062 Liệt sĩ: **PHẠM HOÀNG PHÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 7 năm 1988

Số bằng: CG 167 bt Quyết định số: 198/CTKT ngày 12 tháng 10 năm 1989

1063 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÀ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1962

Số bằng: 1T 271km Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

1064 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUẨN**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Hậu Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1963

Số bằng: 1T 803km Quyết định số: 1534/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

1065 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1967

Số bằng: 1N 356km Quyết định số: 1355/Ttga ngày 28 tháng 10 năm 1977

1066 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÒN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1968

Số bằng: 1S 446bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977

1067 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGỌC**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1953

Số bằng: NC 049 kp Quyết định số: 723/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

1068 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỞ**

Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1965

Số bằng: 4I 625 cm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1069 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÓM**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969

Số bằng: 2E 105km Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1070 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÍT**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969

Số bằng: 2E 168km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

1071 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968

Số bằng: 4B 848bm Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

1072 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỮU**

Cán bộ nông dân xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1952

Số bằng: KC 849 cp Quyết định số: 1592/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

1073 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SANG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1969

Số bằng: 2M 322bm Quyết định số: 1223/Ttga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1074 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN LIÊU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1965

Số bằng: 2M 113bm Quyết định số: 1220/Ttga ngày 14 tháng 10 năm 1977

- 1075 Liệt sĩ: **ĐOÀN TÂN MỚI**
 Nhân viên thư kí văn phòng, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1963
 Số bằng: 4A 116 cm Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 1076 Liệt sĩ: **ĐINH TÂN HÙNG**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: 1L 170km Quyết định số: 1239/Ttga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 1077 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬU**
 Thư kí Ban chấp hành nông dân cứu quốc, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
 Số bằng: AA 997 cp Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 1078 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHO**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: 1K 809km Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 1079 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NGUYỄN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: YL 238bm Quyết định số: 400/Ttga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 1080 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN QUÂN**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: 8S 018bm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979
- 1081 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1961
 Số bằng: 4Đ 215bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 1082 Liệt sĩ: **HỒ VĂN BA**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: YT 192bm Quyết định số: 476/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 1083 Liệt sĩ: **ĐOÀN THỊ TÌNH**
 Y tá ấp, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: 1N 800 cm Quyết định số: 4/Ttga ngày 2 tháng 1 năm 1978
- 1084 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUAN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953
 Số bằng: TC 130 bp Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

- 1085 Liệt sĩ: **PHAN MINH ĐỨC**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1953
 Số bằng: GC 982 kp Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 1086 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 10 năm 1948
 Số bằng: 1XC 733 bp Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỎ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1949
 Số bằng: RC 337 bp Quyết định số: 1220/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 1088 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐÔI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 2M 348bm Quyết định số: 1223/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 1089 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHIÊM**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1966
 Số bằng: 1N 353km Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 1090 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẨM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: 2N 549bm Quyết định số: 1238/Ttga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 1091 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LIÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: AQ 890bm Quyết định số: 208/CTKT ngày 25 tháng 5 năm 1985
- 1092 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XIÊN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: 3P 384bm Quyết định số: 1590/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 1093 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NHỰT**
 Ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: QM 375 cm₁ Quyết định số: 487/Ttga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 1094 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN XUM**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1966

Số bằng: 2L 842km Quyết định số: 336/Ttga ngày 31 tháng 3 năm 1978

1095 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÊN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972

Số bằng: YL 237bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

1096 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG MINH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1974

Số bằng: 2T 748km Quyết định số: 618/Ttga ngày 12 tháng 6 năm 1978

1097 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỘT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1970

Số bằng: 2H 707bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1098 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHỨT**

Nhân viên tiếp tế lương thực, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950

Số bằng: AP 799 cp Quyết định số: 168/CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1985

1099 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÈ**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Hiệp, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 3V 449km Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1100 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƠ**

Nhân dân, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1960

Số bằng: 1O 972 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

1101 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1950

Số bằng: 1PC 761 bp Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

1102 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐÓ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1962

Số bằng: 2Đ 301bm Quyết định số: 39/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1103 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁNH**

Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1946

Số bằng: UC 141 cp Quyết định số: 347/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

1104 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỎ**

Đội viên tự vệ chiến đấu quân, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã

hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 11 năm 1947
Số bằng: SC 309 kp Quyết định số: 39/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1970

1105 Liệt sĩ: **BÙI THỊ MUA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 2M 484bm Quyết định số: 1218/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1106 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOÀNH**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1962
Số bằng: 2K 300km Quyết định số: 171/Ttga ngày 27 tháng 2 năm 1978

1107 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN MỘT**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1961
Số bằng: 3B 522km Quyết định số: 1042/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

1108 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGÔN**

Cán bộ nông dân xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 6 năm 1947
Số bằng: GC 697 cp Quyết định số: 20/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1978

1109 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hương, huyện Bến Tranh, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 1 năm 1951
Số bằng: UC 927 bp Quyết định số: 548/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

1110 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TỰU**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1974
Số bằng: 3E 167bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1111 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 1X 306bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1112 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÔI**

Bảo vệ bậc 3, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 4A 851 cm Quyết định số: 604/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1979

1113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2N 509bm Quyết định số: 1238/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

1114 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHỤNG**

Hội phó phụ nữ, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: MC 617 cp Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978

1115 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƠN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 3 năm 1950
Số bằng: 2DC 231 bp Quyết định số: 116/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982

1116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1953
Số bằng: SC 069 cp Quyết định số: 1334/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

1117 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HAI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 9Q 192 bt Quyết định số: 446/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1980

1118 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN MẸO**

Trưởng ban bố phòng xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1949
Số bằng: KC 247 cp Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

1119 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DƯ**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1947
Số bằng: IC 174 kp Quyết định số: 1338/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977

1120 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1949
Số bằng: LC 520 kp Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

1121 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÂM**

Cán bộ Đảng viên, Nguyên quán: xã Tân Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1941
Số bằng: 1AC 488 cp Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981

1122 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÀNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Lộc, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1960
Số bằng: 2Z 229km Quyết định số: 890/Ttga ngày 11 tháng 8 năm 1978

1123 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NGUYỄN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1950

Số bằng: UC 030 bp Quyết định số: 1590/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

- 1124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 1K 798km Quyết định số: 1732/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 1125 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG NGHĨA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 5AA 082bm Quyết định số: 245/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 1126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỐT**
Cán bộ nghiên cứu, Nguyên quán: xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 2M 924 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 1127 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THUNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1948
Số bằng: GC 081 cp Quyết định số: 1737/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 1128 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1947
Số bằng: 1TC 955 bp Quyết định số: 343/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979
- 1129 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỊNH**
Chủ nhiệm thôn bộ Việt minh, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1947
Số bằng: IC 500 cp Quyết định số: 1305/Ttga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 1130 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾN**
Cán bộ Công an, Nguyên quán: xã Bình Đức, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1950
Số bằng: YC 006 cp Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 1131 Liệt sĩ: **HÒ VĂN QUYỀN**
Ban chấp hành thanh niên xã, Nguyên quán: xã Hướng Thọ Phú, thị xã Tân An, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1947
Số bằng: GC 087 cp Quyết định số: 1737/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 1132 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TAO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 6S 040bm Quyết định số: 1098/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 1133 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GÒ**
Nhân viên tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967

Số bằng: 3D 007 cm Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978

1134 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1966

Số bằng: 5A 564bm Quyết định số: 354/Ttga ngày 7 tháng 4 năm 1978

1135 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**

Cán bộ kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968

Số bằng: XM 733 cm Quyết định số: 745/Ttga ngày 18 tháng 7 năm 1977

1136 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG TUẤN**

Cán bộ binh vận huyện, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1965

Số bằng: XM 750 cm Quyết định số: 745/Ttga ngày 18 tháng 7 năm 1977

1137 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÉ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1969

Số bằng: 1B 274bm Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1138 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1969

Số bằng: 2M 481bm Quyết định số: 1218/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1139 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1967

Số bằng: 1X 281bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1140 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TÔNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1961

Số bằng: VM 162km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1141 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN BÉ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: BT 977bm Quyết định số: 153/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988

1142 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỤNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1965

Số bằng: 2T 754km Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

1143 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 2H 723bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1144 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Bến Thù, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969
Số bằng: 6H 251bm Quyết định số: 868/Ttga ngày 7 tháng 8 năm 1978

1145 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỆN**

Trung đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2L 797km Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978

1146 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÂY**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 1B 317bm Quyết định số: 575/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977

1147 Liệt sĩ: **ĐOÀN HOÀNG DŨNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 1X 271bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1148 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HAI**

Huyện ủy viên phụ trách xã, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1947
Số bằng: EC 376 cp Quyết định số: 1005/Ttga ngày 12 tháng 9 năm 1977

1149 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TẬP**

Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967
Số bằng: QM 061 cm Quyết định số: 487/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

1150 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LỮ**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1964
Số bằng: km 890km Quyết định số: 534/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1977

1151 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BÊN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CQ 132bm Quyết định số: 80/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

1152 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CR 356bm Quyết định số: 77/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

1153 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÁT**

Cán bộ Nông hội huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Lạc Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 1Đ 470 cm Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1154 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3G 141bm Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

1155 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỮU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1969
Số bằng: PM 040km Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977

1156 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁNH**

Tổ trưởng tổ vũ khí, Nguyên quán: xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 3Z 113km Quyết định số: 211/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981

1157 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRUNG TRI**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1974
Số bằng: 3G 271km Quyết định số: 1191/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1978

1158 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RÔ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 6O 827 bt Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

1159 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÀN**

Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Bình Tân, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GD 257 cm Quyết định số: 603/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2003

1160 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 6O 384bm Quyết định số: 1010/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

1161 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÚNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3B 558km Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

1162 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TÔN**

Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3P 594 cm Quyết định số: 1335/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978

- 1163 Liệt sĩ: **LÝ VĂN HÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7E 207bm Quyết định số: 1309/Ttga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 1164 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÔI**
Trưởng Ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 02 năm 1953
Số bằng: MC 587 cp Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 1165 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN ĐẠT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Phú Long, huyện Tân Châu, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 6O 677 bt Quyết định số: 985/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1978
- 1166 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÒA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1961
Số bằng: 2P 865bm Quyết định số: 1304/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 1167 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÙI**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 3D 644 cm Quyết định số: 890/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1978
- 1168 Liệt sĩ: **LÊ TẤN HUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1974
Số bằng: DE 237bm Quyết định số: 215/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1992
- 1169 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƠM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1955
Số bằng: LM 419km Quyết định số: 571/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1170 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KỶ**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hưng Hòa, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 7B 175bm Quyết định số: 282/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980
- 1171 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8T 835bm Quyết định số: 665/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979
- 1172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHIÊM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969

Số bằng: VM 851km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

1173 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KÊU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: VM 140km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

1174 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÀU**

Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Hiệp Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1969

Số bằng: 2M 724 cm Quyết định số: 322/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

1175 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RÔ**

Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Nhựt Chánh, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970

Số bằng: 3H 620 cm Quyết định số: 986/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1966

Số bằng: 5L 576bm Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

1177 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1966

Số bằng: 3Y 847bm Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977

1178 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SIÊNG**

Thợ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1960

Số bằng: 6G 068bm Quyết định số: 855/TTga ngày 07 tháng 8 năm 1978

1179 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN HIẾT**

Áp đội phó, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969

Số bằng: DM 649km Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

III. TỈNH BẮC NINH

1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁT**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1947

Số bằng: GM 107 bp Quyết định số: 899/TTg ngày 16 tháng 8 năm 2004

2 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC VỸ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1954

Số bằng: GM 076 bp Quyết định số: 899/TTg ngày 16 tháng 8 năm 2004

3 Liệt sĩ: **DƯƠNG GIA NGÔ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 1 năm 1950

Số bằng: XC 897 kp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

4 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1952

Số bằng: XY 739 kp Quyết định số: 092/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958

5 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SỬU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 8 năm 1950

Số bằng: XB 394 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958

6 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1970

Số bằng: HT 724 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974

7 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972

Số bằng: PI 481 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

8 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TỚI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 9D 352 bm Quyết định số: 876/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979

9 Liệt sĩ: **NGÔ MINH THỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1971

Số bằng: QB 684 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1975

10 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUÝNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh

Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1970
Số bằng: HG 431 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

11 Liệt sĩ: **NGÔ ĐẮC PHÙNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BH 575 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

12 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 6V 411 bm Quyết định số: 1230/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

13 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TỊCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XU 389 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

14 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1971
Số bằng: VA 172 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

15 Liệt sĩ: **LƯU QUANG TƯ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UY 398 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

16 Liệt sĩ: **LƯU QUANG BÓN**

Trưởng ban Kinh tế, Nguyên quán: xã Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1951
Số bằng: DH 998 cp Quyết định số: 255/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1993

17 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1951
Số bằng: NX 110 bp Quyết định số: 327/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1962

18 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ CHIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AL 560 bm Quyết định số: 99/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1971

19 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**

Nhân viên ty bưu điện BN, Nguyên quán: xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: XY 059 cp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

20 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN QUẾ**

Công nhân Quốc phòng, Nguyên quán: xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1948
Số bằng: NX 741 Quyết định số: 94/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1963

21 Liệt sĩ: **TRẦN VIỆT ĐÍCH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1949
Số bằng: XB 411 kp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958

22 Liệt sĩ: **PHẠM AN NINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RO 695 bm Quyết định số: 294/TTg ngày 3 tháng 7 năm 1976

23 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐANG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1947
Số bằng: XM 897 kp Quyết định số: 327/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1962

24 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SỬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EN 928 bm Quyết định số: 168/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1973

25 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUYẾT**

Bí thư xã, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1949
Số bằng: GK 563 cp Quyết định số: 347/TTg ngày 7 tháng 4 năm 2004

26 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN AN**

Giao thông viên, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1967
Số bằng: AM 542 cm Quyết định số: 69/TTga ngày 17 tháng 4 năm 1968

27 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RƯỢU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1952
Số bằng: AC 002 kp Quyết định số: 60/TTg ngày 7 tháng 4 năm 1966

28 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1950
Số bằng: OC 004 bp Quyết định số: 200/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1977

29 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: OC 006 bp Quyết định số: 200/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1977

30 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐIẾP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1951
Số bằng: NX 140 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1962

31 Liệt sĩ: **LÊ HỮU DƯỠC**

Cơ sở nuôi giấu cán bộ, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1949
Số bằng: DX 486 cp Quyết định số: 841/TTg ngày 21 tháng 12 năm 1995

32 Liệt sĩ: **TRẦN DANH VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SY 812 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

33 Liệt sĩ: **TRẦN DANH HIẾU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1954
Số bằng: LX 617 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

34 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 3H 995 bm Quyết định số: 156/TTg ngày 22 tháng 2 năm 1978

35 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỤNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HL 096 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

36 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MƯỜU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HG 421 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

37 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1970
Số bằng: HD 960 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

38 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẠC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: LX 623 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

39 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1967
Số bằng: SQ 755 bm Quyết định số: 547/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976

40 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐẮC CHÉN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐH 661 bm Quyết định số: 471/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1972

41 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MỘC

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KO 324 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

42 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH NGỪNG

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974
Số bằng: PĐ 134 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

43 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH CƯ

Phó chủ tịch Ủy Ban xã, Nguyên quán: xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XA 1,584 cp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

44 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LĨNH

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 6V 378 bt Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

45 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THỦY

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LO 652 bm Quyết định số: 185/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1974

46 Liệt sĩ: PHAN VĂN CHÂN

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XA 381 kp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

47 Liệt sĩ: LÊ ĐỨC KHUÊ

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GS 737 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

48 Liệt sĩ: PHẠM THÀNH TRIỂN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SY 355 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

49 Liệt sĩ: PHẠM NGỌC ĐĂNG

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1953

Số bằng: XA 379 kp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958

50 Liệt sĩ: **ĐÀO THỊ NHUẬN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 3 năm 1952

Số bằng: DR 448 kp Quyết định số: 268/TTga ngày 3 tháng 5 năm 1995

51 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972

Số bằng: OG 389 bm Quyết định số: 564/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

52 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 9 năm 1951

Số bằng: XR 578 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

53 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN YÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975

Số bằng: SQ 931 bm Quyết định số: 524/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

54 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOẢN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1971

Số bằng: GS 734 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

55 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1972

Số bằng: GT 887 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

56 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG TÂM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1969

Số bằng: AB 873 bm Quyết định số: 60/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

57 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN NHUNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1973

Số bằng: VA 482 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

58 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ BẮC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 6 năm 1949

Số bằng: HG 103 bp Quyết định số: 1666/TTga ngày 19 tháng 12 năm 2006

59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỂU**

Chấp hành nông hội xã, Nguyên quán: xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1951
Số bằng: YZ 111 cp Quyết định số: 126/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1957

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUỲ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐT 501 bp Quyết định số: 854/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1998

61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AU 042 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

62 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BM 592 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

63 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SỰ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HG 443 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

64 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: XU 735 bp Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

65 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY VŨ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: Tm 818 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969

66 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC SÁNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SY 862 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

67 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1969
Số bằng: RL 785 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

68 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC ĐẠI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1981
Số bằng: 6AA 147 bm Quyết định số: 302/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

69 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ƯA**

Dân công hòa tuyến, Nguyên quán: xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 2 năm 1950
Số bằng: Y 087 cp Quyết định số: 37/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

70 Liệt sĩ: NGUYỄN BÁ BẰNG

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Tân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1971
Số bằng: UQ 469 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

71 Liệt sĩ: ĐỖ DANH TÂN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MA 360 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1970

72 Liệt sĩ: ĐỖ VĂN NGỌC

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1967
Số bằng: AB 567 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1971

73 Liệt sĩ: TRẦN TÀI

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968
Số bằng: KO 249 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

74 Liệt sĩ: VŨ DUY TRÃI

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MA 367 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1970

75 Liệt sĩ: VŨ VĂN TỌA

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: DM 850 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968

76 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BÓI

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XR 056 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

77 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DŨNG

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: Rb 667 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1976

78 Liệt sĩ: PHẠM VĂN XOA

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1973
Số bằng: VD 263 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

79 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EN 778 bm Quyết định số: 166/TTg ngày 28 tháng 4 năm 1973

80 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG THAO**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1948
Số bằng: XM 691 bp Quyết định số: 98/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1959

81 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHỤNG**

Công dân, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 12 năm 1950
Số bằng: XB 550 cp Quyết định số: 95/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

82 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC VÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: SY 834 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

83 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG HÓT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1971
Số bằng: UL 999 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

84 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG BẠP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NG 549 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1974

85 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG PHIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1952
Số bằng: XR 189 bp Quyết định số: 396/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959

86 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG YÊM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XH 167 kp Quyết định số: 74/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960

87 Liệt sĩ: **ĐỖ BÁ BƯỞNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XG 269 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

88 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ THẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AB 718 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

89 Liệt sĩ: **PHẠM HUY TỊCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969

Số bằng: UY 299 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

90 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỂ ĐƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970

Số bằng: ĐG 135 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

91 Liệt sĩ: **PHẠM HUY THÁI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1969

Số bằng: ĐH 692 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1972

92 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MẠC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968

Số bằng: RL 802 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

93 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HỖ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1973

Số bằng: SR 381 bm Quyết định số: 539/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

94 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÍN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969

Số bằng: ĐG 388 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

95 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỂ NHƯỢNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969

Số bằng: SY 770 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

96 Liệt sĩ: **PHẠM HUY CHIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1970

Số bằng: HL 013 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

97 Liệt sĩ: **PHẠM HUY ĐÀI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968

Số bằng: SY 059 bm Quyết định số: 524/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1976

98 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN BẢO**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1972